

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2024

*“V/v: Kiện không công nhận
là vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Ông Hoàng Duy Thanh

2. Ông Y Tha Mlô

***- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cư M'gar.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà
Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.***

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, về việc “Kiện không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1972. Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1976. Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên
tòa, nguyên đơn ông Lê Văn B trình bày:***

Ông và bà Đỗ Thị C chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1997 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt dẫn đến cãi vã, xích mích thường xuyên. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Vợ chồng

đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11/2023 cho đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng cho ông và bà C.

Về con chung, ông và bà C có 02 con chung là cháu Lê Thị D, sinh ngày 14/10/1998 và cháu Lê Văn H, sinh ngày 24/10/2010. Ông yêu cầu xin được giao cháu Lê Văn H cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Còn cháu Lê Thị D, sinh ngày 14/10/1998 đã trên 18 tuổi và khỏe mạnh nên ông không có ý kiến gì.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông xin tự thỏa thuận với bà C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị C trình bày:

Bà và ông Lê Văn B chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1997 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính tình, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xích mích với nhau dẫn đến không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông B đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11/2023 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B, đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng cho bà và ông B.

Về con chung, bà và ông B có 02 con chung là cháu Lê Thị D, sinh ngày 14/10/1998 và cháu Lê Văn H, sinh ngày 24/10/2010. Bà yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn H cho đến khi trưởng thành. Còn cháu Lê Thị D, sinh ngày 14/10/1998 đã trên 18 tuổi và khỏe mạnh nên bà không có ý kiến gì.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, hai người tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, bà xin tự thỏa thuận với ông B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông Lê Văn B và bà Đỗ Thị C chung sống với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, tuy có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng ông B và bà C không đăng ký kết hôn, nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét yêu cầu không

công nhận vợ chồng của ông B là phù hợp với Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B: Không công nhận ông B và bà C là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê Văn H, sinh ngày 24/10/2010 cho bà Đỗ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông B và bà C tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông B và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B đề nghị tòa án không công nhận là vợ chồng giữa ông và bà Đỗ Thị C là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo như quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn B và bà Đỗ Thị C chung sống với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, tuy có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng ông B và bà C không đăng ký kết hôn, nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông B là phù hợp với Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông B: Không công nhận ông B và bà C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống với nhau, ông B và bà C có 02 con chung là cháu Lê Thị D, sinh ngày 14/10/1998 và cháu Lê Văn H, sinh ngày 24/10/2010.

Đối với cháu Lê Thị D, sinh ngày 14/10/1998 đã trưởng thành trên 18 tuổi và khỏe mạnh nên không đặt ra xem xét. Còn cháu Lê Văn H, sinh ngày 24/10/2010 thì trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông B và bà C thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Văn H cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu H cũng có ý kiến tại Tòa án là xin được ở với mẹ. Do vậy, cần công nhận sự thỏa thuận của ông B và bà C cũng như nguyện vọng của cháu H nói trên: Giao cháu Lê Văn H, sinh ngày 24/10/2010 cho bà Đỗ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông B và bà C tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông B và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Ông B phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B.

Không công nhận ông Lê Văn B và bà Đỗ Thị C là vợ chồng.

- *Về con chung:* Giao cháu Lê Văn H, sinh ngày 24/10/2010 cho bà Đỗ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Lê Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Ông Lê Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo biên lai số AA/2021/0014888 ngày 01/02/2024.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh